

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13/3/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Xuân Tính
2. Ông Nguyễn Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2023/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXX ngày 31 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- 1. Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị Q - sinh năm 1991.
HKTT: SN 34 ngõ H, phường T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
Nơi ở: SN 02 phố T, phường Q, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
- 2. Bị đơn:** Anh Bùi Văn T - Sinh năm 1981
Địa chỉ: SN 34 ngõ H, phường T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
(Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn với nhau năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc tại SN 34 ngõ H, phường T, TP Thanh Hóa đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, hơn nữa anh T hay uống rượu rồi chửi bới, xúc phạm chị, khi nóng giận còn đánh chị, làm cho không khí gia đình rơi vào căng thẳng nặng nề. Mâu thuẫn của vợ chồng cũng được hai bên gia đình khuyên B nhiều lần nhưng không có kết

quả, mà ngày càng trầm trọng hơn. Kể từ năm 2017 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm chăm sóc đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Bùi Gia B – sinh ngày 06/01/2014. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 23/11/2022 anh Bùi Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, anh T thống nhất như nội dung chị Q đã khai. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng không hiểu nhau, chị Q không quan tâm chăm sóc đến gia đình. Nay chị Q làm đơn xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì mong muốn con có đầy đủ cả và mẹ, anh đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh thống nhất với ý kiến của chị Q, vợ chồng có một con chung là Bùi Gia B – sinh ngày 06/01/2014, hiện nay các cháu đang ở cùng với chị Q. Trường hợp phải ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ: giấy triệu tập hợp, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Bùi Văn T theo quy định của pháp luật nhưng anh T không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên Tòa.

Thu thập chứng cứ tại địa phương: Anh Bùi Văn T và chị Hoàng Thị Q kết hôn với nhau năm 2013 và chung sống với nhau tại địa phương. Quá trình vợ chồng chung sống vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn như thế nào phổ không nắm được. Nhưng địa phương được biết vợ chồng anh T chị Q đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai; Về con: Anh T chị Q có một con chung là cháu Bùi Gia B – sinh ngày 06/01/2014. Về tài sản công nợ của chị Q anh T địa phương không nắm được, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa vắng mặt anh T, chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không bổ sung thêm nội dung nào khác.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS để xét xử. Về yêu cầu khởi kiện:

đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Hoàng Thị Q khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Bùi Văn T có địa chỉ tại thành phố Thanh Hóa, nên Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Hoàng Thị Q và anh Bùi Văn T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị Q thấy rằng: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, anh T thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng không hiểu nhau nhưng vì con cái nên anh không đồng ý ly hôn. Thực tế cho thấy, hôn nhân muốn tồn tại trước hết vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, có trách nhiệm và chung sống hòa thuận với nhau, cùng nhau xây dựng kinh tế, hạnh phúc gia đình. Qua xem xét lời khai của chị Q, anh T, cung cấp của chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống thể hiện: vợ chồng chị Q, anh T do bất đồng quan điểm sống, cả vợ và chồng không hiểu nhau, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài (từ năm 2017) đến nay vẫn không giải quyết được. Bản thân anh T không đồng ý ly hôn, nhưng anh không có biện pháp gì để níu giữ gia đình, không tham gia hòa giải, phiên tòa để Tòa án hòa giải mà mặc nhiên để chị Q đơn phương ly hôn. Do đó, xác định mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa chị Q anh T không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Q, xử cho chị Q được ly hôn anh T.

[3] *Về con chung:* Anh chị có một con chung là cháu Bùi Gia B – sinh ngày 06/01/2014. Hiện nay cháu B đang ở với chị Q, chị vẫn nuôi dạy cháu đảm B về mọi mặt. Bản thân chị Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, cũng là quan điểm anh T và nguyện vọng của cháu B. Do vậy giao cháu B cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản:* Chị Q, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1.1 điều 1 phần II, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, chị Hoàng Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27, khoản 1. 1 Điều 1 phần II, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Q được ly hôn anh Bùi Văn T

Về con chung: Công nhận cháu Bùi Gia B – sinh ngày 06/01/2014 là con chung của chị Q anh T. Giao cháu B cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị Q phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0002432 ngày 27/10/2022** của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị Q đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Chị Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA DS TP.Thanh Hoá;
- UBND P. T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Quỳnh

